

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 8 năm 2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Tú Huân, ông Võ Ánh Sứ

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Hồng V, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 11, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 11, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, chị Hà Thị Hồng V trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 14 tháng 8 năm 2008, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2005 và cháu Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2007. Trong quá trình chung sống, anh chị có quá nhiều mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, anh chị đã sống ly thân, nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh V. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng giao con chung (Cháu Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2007) cho anh V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Còn cháu Nguyễn Thị Thu T đã

trưởng thành, do vậy không đề cập xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyển số 01 ngày 14 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định chứng nhận:

Anh Nguyễn Văn V và chị Hà Thị Hồng V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định ngày 14 tháng 8 năm 2008.

Tại Biên bản xác minh, Hội liên hiệp phụ nữ xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cung cấp thông tin sau:

Chị Hà Thị Hồng V và anh Nguyễn Văn V có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị V và anh V đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại Biên bản xác minh Công an xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cung cấp thông tin :

Anh Nguyễn Văn V có hộ khẩu thường trú tại thôn 11, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, anh V đang có mặt tại địa phương, tuy nhiên anh V không phối hợp làm việc cùng với Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Khẳng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Chị V chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Anh V mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, Điều 85 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận nội dung khởi kiện của chị Vâng về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con, cho chị V ly hôn với anh V. Giao con chung cho anh V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Chị V và anh V là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung. Hiện nay, chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Chị V khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Anh V có hộ khẩu thường trú ở huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được. Mặc dù Tòa án triệu tập nhưng anh V vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của BLTTDS tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị V, thì Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, chị V và anh V phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị không còn sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị V đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện tại giữa chị V và anh V, cho nên Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V và chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, cho chị V ly hôn với anh V.

+ Về con chung:

Chị V và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2005 và cháu Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2007. Hiện nay, cháu T đã trên 18 tuổi, còn cháu P dưới 18 tuổi và đang ở với anh V. Nguyên vọng của chị V là giao con chung cho anh V nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh V và cháu P không hợp tác nên không ghi nhận được ý kiến, vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện và ý kiến của Viện kiểm sát, giao con chung cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, thì nguyên đơn (Chị V) vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Hồng V về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị Hồng V ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

+ Về con chung: Giao con chung (cháu Nguyễn Tuấn P, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2007) cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Chị Hà Thị Hồng V có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì anh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị V.

2. Về án phí: Chị Hà Thị Hồng V phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi thành án dân sự huyện Ea H'Leo theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002046 ngày 26 tháng 4 năm 2024.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- UBND xã C, P, Bình Định;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG